

ĐÀO PHƯƠNG CHI*

CHÂN DUNG CHỦ TẾ/MỆNH BÁI TRONG LÀNG XÃ
VIỆT NAM THỜI QUÂN CHỦ:
TỪ GÓC NHÌN VĂN BẢN TỤC LỆ HÁN NÔM

Tóm tắt: Chủ tế/Mệnh bái là người đứng tế chính trong các cuộc tế lễ. Từ trước đến nay, khi nghiên cứu về làng xã, đã có nhiều công trình nhắc tới chức sự này. Tuy nhiên, chưa có công trình nào tìm hiểu một cách tường tận, hệ thống về Chủ tế. Qua nghiên cứu, tìm hiểu thông tin từ các văn bản tục lệ, bài viết sẽ hệ thống lại những vấn đề liên quan đến Chủ tế về tiêu chuẩn chọn lựa, trách nhiệm, quyền lợi, nhiệm kỳ của Chủ tế và hình thức phạt đối với Chủ tế khi không hoàn thành nhiệm vụ... kể trên, đồng thời khẳng định Chủ tế còn có tên gọi khác là Mệnh bái - cái tên chỉ được đề cập trong các văn bản tục lệ và dường như chưa từng được nghiên cứu nào nhắc tới.

Từ khóa: Tục lệ, làng xã, tế tự, Chủ tế, Mệnh bái.

Mở đầu

Tế tự là một hoạt động vô cùng quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng làng xã. Thành viên tham gia buổi tế khá đa dạng và phức tạp với các chức trách, nhiệm vụ khác nhau. Một trong những thành viên hay được nhắc tới nhất chính là Chủ tế - còn gọi là Mệnh bái (hoặc Quan Đạm, Ông Đạm, Ông Ang...) [Phạm Xuân Lộc, 2016: 46] - người lễ chính trong nghi thức tế thần ở làng. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có công trình nào tìm hiểu về họ. Ngay đến những ghi chép gần đây nhất về chức sự này là một số sách báo đầu thế kỷ XX cũng không mô tả một cách thật sự hệ thống, rõ ràng. Với mong muốn tìm kiếm thêm thông tin về nhân vật quan trọng trong hoạt động tế tự trên, bài viết sẽ nghiên cứu Chủ tế qua văn bản tục lệ tỉnh Hà Đông cũ (nay là Hà Nội) - một trong

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 03/11/2023; Ngày biên tập: 08/11/2023; Duyệt đăng: 18/11/2023.

những nguồn ghi chép chứa đựng nhiều thông tin về tế tự, mà Chủ tế là một phần trong đó, để có thể dựng lại được chân dung của họ một cách cụ thể nhất qua các phương diện: tiêu chuẩn chọn lựa, trách nhiệm, quyền lợi, nhiệm kỳ của Chủ tế và hình thức phạt đối với họ khi không hoàn thành nhiệm vụ. Phương pháp nghiên cứu được áp dụng tại bài viết này bao gồm: lịch sử học, dân tộc học và liên ngành.

1. Các văn bản tục lệ được khảo sát và thông tin chung từ các văn bản

Trong khi khảo sát, người viết đã tìm thấy 39 văn bản (niên đại định bản từ năm 1874 đến 1934) có đề cập tới chức sự này. Trong các ghi chép liên quan tới tế tự làng xã từ đầu thế kỷ XX đến nay, Chủ tế (người làm chủ/đứng đầu cuộc tế lễ) và tả văn (người viết văn tế) là những chức danh được nhắc đến thường xuyên. Tuy nhiên, trong khi tìm hiểu về các văn bản tục lệ, ngoài hai chức sự này, tôi còn thường xuyên gặp chức danh Mệnh bái.

Khác với cách gọi Chủ tế hay tả văn, Mệnh bái khiến cho người đọc không dễ hình dung ra công việc của người đó. Trong các từ điển Hán và Hán-Việt cũng không thấy có mục từ này. Tìm hiểu sâu hơn về những ghi chép liên quan trong các văn bản tục lệ, tôi nhận thấy có vẻ như đây là nhân vật rất quan trọng, bởi ở khá nhiều văn bản quy định trong buổi tế nào đó, người ta chỉ biểu lộc cho Mệnh bái mà thôi. “Lộc” sau buổi tế lễ là biểu tượng về vai trò/quyền lực của một ai đó trong làng xã. Được đối xử một cách đặc biệt (bằng cách trở thành người duy nhất nhận phần biểu) chứng tỏ, đây là một nhân vật không tầm thường. Tiếc rằng, tác giả chưa thấy công trình nào nhắc đến nhân vật này. Thật may mắn, sau khi trao đổi với Bùi Xuân Đính, nhà dân tộc với kinh nghiệm điền dã dày dặn nhiều chục năm, tôi đã có câu trả lời: Mệnh bái chính là Chủ tế. Để kiểm chứng lại thông tin, tôi đã tiến hành khảo sát các văn bản ghi chép về Chủ tế và Mệnh bái. Kết quả khảo sát ngẫu nhiên 39 văn bản tục lệ tỉnh Hà Đông, trong đó 22 bản ghi chép về Chủ tế và 17 bản về Mệnh bái cho thấy, hầu hết những văn bản có xuất hiện từ “Chủ tế” thì không có “Mệnh bái” và ngược lại (chỉ riêng Yên Cảnh dùng song song Chủ tế và Mệnh bái, sẽ lý giải ở phần dưới đây). Điều này đã chứng tỏ rằng Mệnh bái chính là Chủ tế bởi chắc chắn rằng

trong một buổi tế lễ, không thể không có Chủ tế. Hiện tượng chỉ xuất hiện Chủ tế hoặc Mệnh bái trong 39 văn bản nói trên không phải là điều ngẫu nhiên. Tỷ lệ không mấy chênh lệch (22/17) của văn bản chép về Chủ tế và văn bản chép về Mệnh bái cũng cho thấy, trên thực tế, Mệnh bái không phải là cách gọi hiếm gặp. Chỉ vì một sự ngẫu nhiên nào đó mà cái tên này không được nhắc tới trong các ghi chép đầu thế kỷ XX, cũng như trong các nghiên cứu của các chuyên gia làng xã sau này, dẫn tới việc người đọc cảm thấy lạ lẫm với chức sự Mệnh bái, thậm chí là không hiểu, không biết tới cái tên đó. Tuy Chủ tế còn được gọi là Mệnh bái, nhưng để cho ngắn gọn, từ đây, thay vì gọi bằng Chủ tế/Mệnh bái, tác giả thống nhất gọi chung là Chủ tế.

Quy định về chức sự này được ghi chép trong 39 văn bản, trong đó, không có nội dung nào trong năm nội dung tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi, thời hạn và hình thức phạt được tất cả các làng nhắc tới, thậm chí “nhiệm vụ” tương như là điều rất quan trọng cũng không xuất hiện ở mọi văn bản. Bảng thống kê dưới đây thể hiện cụ thể tình trạng đó.

Bảng 1. Quy định về Chủ tế¹

TT	Tên gọi của chức sự	Làng	Tiêu chuẩn								Thời hạn	Nhiệm vụ	Quyền lợi			Phạt
			Chung	Phù áo	Giữ hậu	Giỗ tháng Giêng, tháng 9 & đình	Giỗ tháng Giêng, tháng 9 ở miếu	Cầu an	Đền ngoài	Đền trong			Biểu	Biểu rúng	Chia ruộng	
1		Cổ Chất	khoa học; tạp lưu; hảo mục													
2		Thịnh Đức Thượng	chức sắc; hương sắc										x			
3		Hạ 44	đại khoa hoặc khoa trường sắc mệnh hoặc khoa vọng viên nhân thân niên lý trưởng	thượng lão	luân lưu thủ chỉ, thượng lão, đương thủ lý hương trưởng, đương chức thủ phần, đương khoa gần gũi								x	x		
4		Trì Chỉ	quan viên; chức sắc; đương thủ lý trưởng													
5		Thượng 46	chức sắc; hương sắc												x	
6		Tứ Thập											x			
7		Thanh Xuân	chức sắc; hương sắc										x			
8		Trì Lê	chức sắc; hương sắc										x	x		
9	Mệnh bái	Vân Hộ											x			
10		Đồng Vinh	chức sắc; hương sắc											x		
11		Vân Cảnh	thủ chỉ (vào cử nhân, tư tài tước lộc, võ chánh phó báp quân, cử nhân tước lộc); thủ chỉ (quạt đội; đội trưởng, thủ lại, binh chính ngách, cai phó tổng chính ngách), cựu tân lý trưởng làm Chủ tế			thủ từ mệnh bái	thủ từ đình mệnh bái	bản xã mệnh bái					x			
12		Vân Duyệt	thủ chỉ, thủ chỉ, ki mục										x			
13		Thanh Liệt	chức sắc; hương sắc										x			
14		Khuyến Lương	khoa mục; chức sắc; chánh tổng; lý trưởng										x			
15		Hoàng Xá											x			
16		Giảng Xá	tuổi cao, đồn hậu cần thân, không có liên can khoản gì													
17		Thần Vực	khoa mục, thủ lại trưởng, tổng lý, chức dịch													Không cáo vãng phạt 3 mạch
18	Chủ tế	Thụy Phương	khoa mục, chức sắc, lý dịch										x			

TT	Tên gọi của chức vụ	Làng	Tiêu chuẩn								Thời hạn	Nhiệm vụ	Quyền lợi			Phạt
			Chung	Phù ả	Giỗ họ	Giỗ tháng Giêng, tháng 9 ở đình	Giỗ tháng Giêng, tháng 9 ở miếu	Cầu an	Đền ngoài	Đền trong			Biên	Biên riêng	Chia ruộng	
19		Trú Mật											x			
20		Chương Dương											x			
21		Ứng Hòa	thi đỗ đại khoa, tung khoa và quan văn võ tước khoa							1 năm				x		
22		Đông Lê	chưa có đăng hàng										x			
23		Nam Phú	chức sắc hoặc người mẫn nhất													
24		Thượng 513	sắc mục trong quan viên tỵ tà										x			Thất lễ phạt 1 hào và 5 khẩu trâu
25		Đa Sĩ											x			
26		Điền Viên	khoa mục, chức sắc miếu sai, kì mục, lý phó trưởng ai hơn nhất										x			
27		Thọ Vực	khoa mục, chức sắc phẩm hàm, vợ chồng song toàn, con cháu đều hòa									Sửa lễ thờ ngày 8 tháng giêng	x		1 mẫu 10 thước	
28		La Dương	chức sắc; chức dịch đương thư; thi khoa sinh tử lần thi kiểm tá văn													hành lễ bát càn cúng là ai làm lễ sửa biện không được tính khất thời phạt mỗi người ba hào
29		Phượng Viên											x			
30		Hạ/284	khoa mục, chức sắc, ai hơn thời vào, hoặc bằng nhau, thời người được trước vào, hoặc cùng được bằng nhau nữa, thời người hơn tuổi vào													
31		Viên Hoàng	văn từ tài tại tờ lần, bản võ từ suất đột tờ lần; chức sắc hoặc bát, con phẩm chưa vào dòng đư lại, chính phủ tòng và lý trưởng làm đủ 10 năm, bình đẳng làm đủ khoa									khoa hoặc một con bò hoặc trâu, 100 đấu gạo nếp, 20 bình rượu, 300 miếng trầu cau, và bốn biện tằm tất đem đến đình tài vật thêu, Lọc thì sau và kinh biếu toàn dân	x			
32		Phủ Mạ/242	tiên chi, không có thì mới giúp thay quyền 1 năm									tr được hương âm trở lần				
33		Hạ Tị										Phan dự lễ thường tân: chuẩn bị 12 phẩm cưu, 3 nải chuối, 24 miếng trầu, mang ra đình, miếu				
34		Cổ Chá														Vắng không cáo, phạt 2 hào
35		Thượng/280	khoa mục, chức sắc, chính phủ tòng, chính phủ lý đương thư													Có tờ tư tiên công giờ lần, mũ áo không chỉnh tá, phạt 2 hào
36		Tự Khoát	tiên chi, thư chi, người mẫn nhất hội tự văn													Vắng không cáo, phạt 100 miếng trầu
37		Như Sơn											x			
38		Tiên Lễ	kì lão, kì mục vợ chồng song toàn, có đủ trai gái													
39		Đại Lộ							Người thư vị đệ nhất, người thư vị đệ nhị, tòng lý	Người thư vị đệ nhị, tòng lý						đánh vỡ đồ thờ, thời phải đền và sửa 100 khẩu trâu tạ làng
Số làng quy định			27	1	1	1	1	1	1	1	1	3	27	6	1	7
Tổng số làng quy định cho một mục			27								1	3	25			7

Thông thường, mỗi chức sự tế tự sẽ đảm nhiệm một nhiệm vụ. Tuy nhiên, thông tin từ các văn bản cho thấy một thực tế là ở một số ít làng xã, một người có thể đảm đương nhiều chức vụ. Cụ thể là, trong 39 văn bản về Chủ tế, có Thượng/280 quy định tả văn kiêm Chủ tế và Hạ/44 quy định thủ chi² kiêm Chủ tế, tả văn, thủ khoán³. Trong các bản còn lại, Chủ tế không kiêm chức. Ngoài ra, mỗi làng thường có một Chủ tế, nhưng cũng có trường hợp một làng có nhiều Chủ tế đảm nhiệm

nhệm vụ ở những nơi thờ tự khác nhau. Có 3/39 văn bản (Yên Cảnh, Hạ/44, Đại Lộ) cho thấy hiện tượng này. Cụ thể như sau:

Quy định của Hạ/44: “Thủ chỉ (kiêm Chủ tế, tả văn, thủ khoán): tiêu chuẩn chọn từ cao đến thấp: đại khoa $\Rightarrow$ khoa trường sắc mệnh $\Rightarrow$ khao vọng viên nhân $\Rightarrow$ thâm niên lý trưởng” (1a-1b); “Xuân thủ biểu oản Chủ tế 1 mâm” (2a). “Tế đền tiên lão và giỗ đức đại vương: nếu mổ lợn thì [...] chân giò 4 chiếc biểu Mệnh bái” (3b); “Thường tân [...] nếu mổ lợn thì biểu tả văn phía trên ức lợn, Mệnh bái 1 chân giò” (3b); “giỗ hậu [...] Mệnh bái luân lưu trong các thành phần: thủ chỉ, thượng lão 5 giáp, đương thứ lí hương trưởng, đương chức thủ phiên, đương khóa giản binh; biểu riêng Mệnh bái xương lợn 2 lá, chân giò 1 chiếc, đuôi lợn 1 chiếc” (6a); “Mệnh bái, tả văn phủ từ Đặng tướng công dùng thượng lão bản thôn. Tế xong biểu viên ấy 1 mạch 30, đoạn trên ức lợn 1 chiếc, chân giò 1 chiếc, xương lợn 2 lá, đuôi lợn 1 tảng, cau 2 khẩu” (12b-13a).

Quy định của Yên Cảnh: “Thủ chỉ người nào ơn nhờ phong thổ, văn thi trúng cử nhân, tú tài trở lên và hàng võ chánh phó hiệp quân, cử nhân trở lên, thì đặt làm thủ chỉ, biểu 1 thủ lợn, 10 khẩu trâu. Chưa có những người ấy thì dùng thứ chỉ, suất đội, đội trưởng, thư lại, binh chính ngạch và cai phó tổng chính ngạch vào Chủ tế, phần đặt biểu 1 cỗ lợn, 10 khẩu trâu. Nếu chưa có những người ấy thì dùng cự lý trưởng và tân thứ lý trưởng vào Chủ tế, phần đặt biểu 1 cái chân lợn. Riêng tiết giỗ tháng Giêng, tháng 9 hàng năm thì dùng thủ từ vào Chủ tế. Thủ từ ở đình Mệnh bái ở miếu, thủ từ miếu Mệnh bái ở đình, đặt biểu 1 cái chân lợn. Duy một cỗ tiết cầu an, bản xã vào Mệnh bái, đặt biểu 1 cái cỗ bò” (5a-5b).

Quy định của Đại Lộ: “Việc Chủ tế hai đền định theo ngôi làng, dùng phẩm tước. Người vị thứ đệ nhất, thời Chủ tế đền ngoài. Người vị thứ đệ nhị, thời Chủ tế đền trong” (15b).

Như vậy, Yên Cảnh có bốn Chủ tế: một ở đại đa số các tiết trong năm ở đình (tiêu chuẩn ưu tiên trước sau theo thứ tự thủ chỉ (văn cử nhân, tú tài trở lên, võ chánh phó hiệp quân⁴, cử nhân trở lên) hoặc thứ chỉ (suất đội⁵, đội trưởng⁶, thư lại⁷, binh chính ngạch, cai phó tổng⁸ chính ngạch, cự tân lý trưởng⁹), một ở đình (vào ngày giỗ tháng

Giêng, tháng 9 hàng năm - tiêu chuẩn là thủ từ miếu), một ở miếu (vào ngày giỗ tháng Giêng, tháng 9 - tiêu chuẩn là thủ từ đình), một trong lễ cầu an (tiêu chuẩn là một nhân vật nào đó hiện chưa rõ thuộc bản xã). Hạ/44 có ba Chủ tế: một ở đình (yêu cầu phải có một trong năm tiêu chuẩn theo thứ tự ưu tiên trước sau: đại khoa¹⁰, khoa trường¹¹ hoặc sắc mệnh¹², khao vọng viên nhân¹³, thâm niên lý trưởng), một phụ trách ở phủ từ (tiêu chuẩn là thượng lão - người có tuổi cao trong làng); một đảm nhiệm trong kỳ giỗ Hậu (tiêu chuẩn là “luân lưu thủ chỉ, thượng lão, đương thứ lý hương trưởng¹⁴, đương chức thủ phiên¹⁵, đương khóa giản binh¹⁶). Đại Lộ có hai Chủ tế, một ở đền ngoài (tiêu chuẩn là người thứ vị đệ nhất trong làng, người thứ vị đệ nhị, hoặc tổng lý) và một ở đền trong (với tiêu chuẩn người thứ vị đệ nhị, hoặc tổng lý).

Tuy chỉ có một số ít làng xã quy định nhiều Chủ tế, nhưng qua ba văn bản của Yên Cảnh, Hạ/44 và Đại Lộ, nhìn vào tiêu chuẩn, có thể thấy được mức độ quan trọng khác nhau của nơi thờ cúng cũng như địa vị của các Chủ tế ở đó. Quy định của Yên Cảnh dường như có sự phân biệt về mức cao thấp trong tiêu chuẩn về học vấn và quan chức giữa Chủ tế ở đình trong những tiết lễ nói chung với ngày giỗ - nhiều khả năng là giỗ hậu - ở đình, miếu và lễ cầu an: giỗ hậu và lễ cầu an không được coi trọng bằng các tiết lễ khác ở đình. Sở dĩ tôi có nhận định như vậy là bởi xưa nay, thủ từ là chức sự không có đòi hỏi gì về tiêu chuẩn quan chức hay học vấn, mà thường chỉ cần “trong dòng hương lão, song toàn, không có tang trở từ 9 tháng trở lên, xin âm dương được” (Thượng/513, 65), hoặc “trong hàng lão người nào vợ chồng song toàn con cháu điều hòa, cử vào thủ từ” (Thọ Vực, 23). Và dường như, để phân biệt địa vị cao thấp giữa Chủ tế ở những nơi khác nhau trong những tiết lễ khác nhau kia, người ta đã dùng một biện pháp uyển chuyển: trong trường hợp đầu vẫn gọi là Chủ tế, còn các trường hợp còn lại thì gọi “Mệnh bái”. Hướng suy nghĩ này của tôi được củng cố thêm khi Hạ/44 cũng có hiện tượng tương đồng: địa vị của Chủ tế ở đình cao hơn ở phủ từ, đền tiên lão. Giỗ hậu và lễ thượng tân cũng có vẻ không được coi trọng bằng các tiết lễ khác, khi những tiết này là Mệnh bái chứ không phải Chủ tế. Trong đó, Chủ tế được dùng trong trường hợp là tiêu chuẩn chọn Chủ tế (kiêm tả văn, thủ khoán, thủ chỉ) của làng. Còn Mệnh bái thì lần lượt dùng trong các trường hợp liên

quan tới bốn địa điểm tế hoặc tiết lễ: đền Tiên lão, lễ thường tân, giỗ hậu và phủ từ Đặng tướng công. Văn bản cuối cùng là Đại Lộ, tuy dùng chung danh xưng Chủ tế cho cả đền ngoài và đền trong, nhưng qua quy định của làng, có thể thấy đền ngoài có vai trò lớn hơn đền trong, vì tiêu chuẩn chọn Chủ tế cao hơn.

Như vậy, trong đại đa số trường hợp, làng chỉ có hoặc Chủ tế, hoặc Mệnh bái, nhưng cá biệt, có nơi phân biệt Chủ tế là người điều hành cuộc tế lễ ở quy mô lớn, còn Mệnh bái thì ở quy mô nhỏ.

Trên đây là một số vấn đề liên quan tới khái niệm Chủ tế, Mệnh bái, cũng như quy định khác nhau về số lượng của chức sự này trong các làng. Sau đây, ta sẽ tìm hiểu về những quy định chủ yếu đối với Chủ tế.

Ghi chép trong các văn bản cho thấy quy định về Chủ tế gồm các thông tin: tiêu chuẩn chọn lựa, nhiệm kỳ, nhiệm vụ, quyền lợi và hình thức phạt khi không thực hiện tốt nhiệm vụ. Số văn bản đề cập tới từng nội dung được thống kê ở bảng trên và xếp theo thứ tự nhiều ít như sau: tiêu chuẩn: 27 văn bản; quyền lợi: 25 văn bản; phạt: bảy văn bản; nhiệm vụ: ba văn bản; thời hạn: một văn bản.

Quyền lợi và tiêu chuẩn là hai thứ đứng đầu và nhiều hơn hẳn các quy định khác. Tuy nhiên, ở đây có sự khác biệt trong các quy định thường thấy: Trong các kết quả khảo sát khác của tác giả, thông thường, với tâm lý “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp”, quyền lợi (cụ thể là được phân biểu trong các kỳ tế lễ) là nội dung được quan tâm hàng đầu và luôn có số lượng cao nhất, nhưng ở đây, nội dung này lại ít hơn tiêu chuẩn. *Phạt* là nội dung có số lượng nhiều thứ ba; *nhiệm vụ* đứng thứ tư; cuối cùng là *thời hạn*. Những con số này nói lên điều gì? Theo tác giả, việc ghi ít hay không ghi không có nghĩa là vấn đề đó không tồn tại trong làng xã, hoặc khi lâm sự, muốn làm gì tùy thích, mà nhiều khả năng, đây là những luật bất thành văn, không cần ghi vào văn bản. Điều này đã được tác giả nhận thấy ở một số chi tiết khác (như nhiệm vụ của Hội Tư văn trong các kỳ tế lễ chẳng hạn. Ai cũng biết rằng các thành viên Hội Tư văn có vai trò vô cùng quan trọng trong tế lễ - một hoạt động được chú trọng bậc nhất trong làng xã, vậy mà rất ít văn bản đề cập vấn đề này). Phải chăng, những vấn đề rõ ràng là quan trọng, ví dụ như “nhiệm vụ” của Chủ tế

ở đây, không phải là vấn đề ưu tiên khi định bản cũng chính là bởi nguyên do đó.

2. Các quy định chính cho Chủ tế

2.1. Thời hạn

Chỉ Ứng Hòa ghi chép nội dung này và cho biết Chủ tế có nhiệm kỳ một năm. Tuy không được đề cập trong hầu hết các văn bản, nhưng có lẽ đây là kỳ hạn phổ biến trong các làng, bởi những chức sự liên quan tới tế tự nói riêng, công việc làng xã nói chung, như giáp đương cai, thủ từ, tuần phiên... cũng thường được quy định như trên.

2.2. Tiêu chuẩn

Về tiêu chuẩn, có thể chia thành sáu nhóm: học vấn, quan lại, chức sự làng xã, tuổi tác, ngạch võ, các giáp luân lưu, cụ thể như sau (bảng thống kê có nhiều thông tin vượt quá khuôn khổ giấy, nên tác giả tách thành hai):

Bảng 2. Tiêu chuẩn về học vấn và quan lại

	Học vấn								Quan lại		
	Khoa hoạn	Khoa trường	Khoa mục	Đai khoa	Trung khoa	Tiểu khoa	Tú tài	Thi khóa sinh	Phẩm hàm	Bát, Cửu phẩm	Sắc mệnh
Số làng xã quy định	1	1	5	2	1	1	1	1	1	1	1
Tổng số tiêu chuẩn được lựa chọn của nhóm	13								3		

Bảng 3. Các tiêu chuẩn còn lại

	Bảng 3. Các hiệu chuẩn con lại													Ngạch võ		
	Chức sự làng xã													Tuổi tác	Suất đội	Binh đình làm đủ khóa
Chính Phó tổng	Tiền chỉ	Lý trưởng	Chức sắc	Người nắm nhất	Ký mục	Lý phó trưởng	Chức dịch	Quan viên	Hương sắc	Tập lưu	Hào mục	Khoar vọng viên nhậm				
Số làng xã quy định	1	1	3	16	1	1	1	1	1	7	1	1	1	1	1	1
Tổng số tiêu chuẩn được lựa chọn của nhóm	40													1	2	1

Trong 21 làng xã có quy định về tiêu chuẩn, 12 làng ưu tiên hàng đầu cho chức sự, chín làng coi trình độ học vấn là lựa chọn đầu tiên. Không phải ngẫu nhiên mà trong sáu nhóm tiêu chuẩn, thì chức sự làng xã là nhóm có số tiêu chuẩn được lựa chọn nhiều nhất, đồng thời cũng là nhóm có một tiêu chuẩn đứng đầu trong các sự lựa chọn (chức sắc: 16 lần). Nhóm thứ hai thuộc về trình độ học vấn với những yêu cầu đồ đạt chiếm tuyệt đại bộ phận (12/13 tiêu chuẩn - nhóm này, chỉ có thí khoa sinh¹⁷ là người chưa đồ đạt hoặc có đồ nhưng không cao).

Các tiêu chuẩn quan lại, tuổi tác, ngạch võ tuy cũng được lựa chọn, nhưng chiếm số lượng ít. Cuối cùng là hình thức luân lưu giáp (chỉ một làng lựa chọn khi các phương án khác đều không có người đáp ứng).

Sự “phân biệt đối xử” đối với các nhóm đối tượng được thể hiện khá rõ trong quy định của Ứng Hòa: thi đỗ đại khoa, trung khoa và quan văn võ tiểu khoa được biếu riêng; chưa đủ tiêu chuẩn đó thì không được biếu riêng mà chỉ được hưởng lộc chung tại đình (5a).

Tuy nhiên, tiêu chuẩn đỗ đạt không phải lúc nào cũng được đáp ứng bởi vài năm mới có một khoa thi, mà đi thi chẳng nữa cũng rất ít người đỗ. Bởi vậy, hầu hết các làng ấy đều đưa ra sự lựa chọn thứ hai, thứ ba...: “Chức sắc miễn sai, kì mục, lý phó trưởng” (Đàn Viên); “Chánh phó tổng và lý trưởng làm đủ 10 năm, binh đình làm đủ khóa” (Viên Hoàng)... Vì khoa mục/đỗ đạt không phải là điều kiện dễ đáp ứng, nên tuy là lựa chọn lý tưởng, nhưng cũng không phải là tiêu chuẩn tuyệt đối; và trong thực tế, các phương án dự phòng đã thắng thế qua con số kỷ lục của nhóm chức sự làng xã.

Đối chiếu với ghi chép hiện còn của một số người sống vào cuối thời quân chủ là Phan Kế Bính và Phạm Xuân Lộc, có thể thấy, quy định về tiêu chuẩn cho Chủ tế ở các địa phương rất khác nhau. Theo Phan Kế Bính, Chủ tế là người “có chức tước ngôi thứ cao nhất trong làng [...]. Có làng thì lại kén người ngôi thứ cao mà vợ chồng song toàn, con trai con gái đề huề” [Phan Kế Bính, 1990: 84]. Phạm Xuân Lộc cũng cho biết: “Người được dân làng cử ra làm Chủ tế phải là người có gia đình phu thê song toàn, con cháu đông đúc thịnh vượng. [...] Tại tỉnh Hà Đông, người được làng chọn làm Chủ tế phải thuộc hàng chức sắc hay cựu chức dịch, nếu làng không có chức sắc thì chọn trong đám lí dịch, người nào phải có điều kiện vợ chồng song toàn, con cháu đầy đủ thì mới được chọn làm Chủ tế. Có làng qui định Chủ tế phải là lý trưởng đương chức. Còn ở tỉnh Bắc Ninh thì có ít làng chọn chức sắc, chức dịch làm Chủ tế và cũng không thấy ông ang ở làng nào là lý trưởng cả, mà ở đây người ta luân phiên nhau làm ông ang, như ở các xã Linh Qui, Kim Hồ. Tại huyện Gia Lâm còn thấy có người mới 17 tuổi chưa lấy vợ, có người có vợ rồi nhưng chưa có con vẫn được làng chọn cử làm ông ang để tế thần” [Phạm Xuân Lộc, 2015: 46-47]. So với tiêu chuẩn được ghi trong các văn bản được khảo sát ở đây, có thể thấy, tiêu chuẩn đỗ đạt đứng thứ hai, chỉ sau chức sự làng xã. Nhưng theo ghi chép của Phan Kế Bính và Phạm Xuân Lộc,

có thể thấy, vào đầu thế kỷ XX không thấy nhắc tới tiêu chuẩn này. Có thể là do trong giai đoạn đó, khoa cử đã đi đến hồi kết, sự đỗ đạt vốn đã hiếm hoi, khó khăn, nay càng thêm khó. Bởi vậy, tiêu chuẩn này đã dần bị loại bỏ.

2.3. Nhiệm vụ

Ngoài nhiệm vụ đương nhiên là chủ trì buổi lễ, Chủ tế còn được yêu cầu phải thực hiện một số nhiệm vụ khác, cụ thể ở đây là biện lễ và khao. Trong số đó, hai làng quy định phải biện lễ thờ (Thọ Vực: 08 tháng Giêng; Hạ Trì: thường tân); một làng quy định sau khi được bầu, Chủ tế phải khao “làng”: “hoặc một con bò hoặc trâu, 100 đấu gạo nếp, 20 bình rượu, 300 miếng trâu cau, sửa biện tươm tất, đem đến đình bái yết thần. Còn lộc thì sau về kính biếu toàn dân từ hương ẩm¹⁸ trở lên” (Viên Hoàng, 2b).

2.4. Quyền lợi

Quyền lợi của Chủ tế được 25 làng quy định, trong đó, toàn bộ 25/25 làng áp dụng hình thức biếu lộc sau tế lễ. Riêng Thọ Vực, ngoài biếu phần, còn chia cho Chủ tế một mẫu 10 thước ruộng. Quy định của Thọ Vực cũng cho thấy Chủ tế là vị trí được tôn trọng bởi họ được quyền lợi đặc biệt trong ngày vào đám: “Vào đám lệ ba ngày thì biếu Chủ tế, thủ từ mỗi người ba phẩm oản, còn không kính biếu ai”.

2.5. Phạt

Có bảy làng quy định nội dung này, bao gồm các lỗi sau: vắng mặt mà không “cáo”; thất lễ/hành lễ bất cẩn, biện lễ không tinh khiết, có tang từ tiểu công¹⁹ trở lên mà vẫn đi tế, mũ áo không chỉnh tề, đánh vỡ đồ thờ, trong đó, lỗi “không cáo vắng” được nhiều làng quy định nhất (Thôn Vực, Cổ Chế và Tự Khoát). Thất lễ/hành lễ bất cẩn được hai làng quy định (Thượng/513, La Dương). Những lỗi còn lại chỉ được một làng quy định.

Về hình thức phạt, đa số các làng chọn hình thức phạt tiền với các mức khác nhau (Thôn Vực ba mạch, La Dương ba hào, Cổ Chế và Thượng/280 hai hào); hình thức phạt trâu được hai làng quy định (Tự Khoát và Đại Lộ đều định mức 100 khẩu). Duy có Thượng/513 quy định vừa phạt tiền một hào vừa phạt năm khẩu trâu.

3. Kết luận

Kết quả thống kê các nội dung liên quan tới Chủ tế/Mệnh bái cho thấy có sự chênh lệch khá lớn về tiêu chuẩn của Chủ tế, thời hạn, nhiệm vụ, quyền lợi và hình phạt nếu không làm tròn nhiệm vụ.

Ở nhiều nghiên cứu về việc ghi chép điều lệ của làng xã, trong khá nhiều trường hợp, người ta chỉ ghi những gì được cho là quan trọng (quan trọng hay không cũng không có một quy chuẩn nào, mà tùy thuộc vào từng làng). Qua các con số thống kê, có thể nhận thấy, *tiêu chuẩn* và *quyền lợi* là thứ được quan tâm nhất. Đây cũng là điều dễ lý giải bởi tế tự là việc hệ trọng của làng xã, nên người quan trọng nhất trong buổi tế cũng cần được lựa chọn cẩn thận và khi quy định lệ làng, người ta đã rất quan tâm đến vấn đề này. Quyền lợi (cụ thể là được chia phần trong các buổi tế tự) là nội dung luôn hiện diện ở hầu khắp các văn bản tục lệ. Đáng lưu ý, vấn đề tưởng như rất quan trọng là nhiệm vụ của chức sự lại được rất ít văn bản đề cập ($3/39 \approx 7,69\%$). Điều đó, phải chăng đã chứng tỏ rằng “lệ bất thành văn” có uy quyền rất lớn trong đời sống làng xã. Hơn nữa, được “làng” tín nhiệm, bầu vào những chức trách trong hoạt động tế lễ là một vinh dự lớn, bởi vậy, chẳng cần ghi chép, người ta cũng không phải lo lắng về việc đương sự không làm tốt trách nhiệm của mình.

Qua tìm hiểu Chủ tế/ Mệnh bái từ các văn bản tục lệ ở đồng bằng sông Hồng, có thể thấy, trong quy định về chức sự, thứ mà người ta quan tâm nhất là “*tiêu chuẩn*”. Nhiệm vụ, kỳ hạn và hình phạt là những thứ tưởng chừng có thể gò họ vào khuôn khổ lại ít được văn bản hóa. Đó là do tâm lý “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp”, do “*uy quyền*” của luật bất thành văn trong làng xã và sự tự giác của đương sự khi không muốn mất đi địa vị được nhiều người trọng vọng./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Duy có Hạ/44 quy định thủ chỉ kiêm chủ tế/Mệnh bái, tả văn, thủ khoán.
- 2 Thủ chỉ tức tiên chỉ, theo Phan Kế Bính “là các hạng hưu quan trí sĩ về làng, hoặc người khoa trường chức sắc, nếu không có khoa trường chức sắc thì người kỳ cựu già có tuổi cũng được dự vào chân ấy. Dân làng có việc ký kết gì tất phải tiên thứ chỉ ký đầu giấy. Tiên thứ chỉ có quyền quyết đoán mọi việc, và có việc gì tất phải hỏi đến tiên thứ chỉ mới được

- thi hành” (Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn học, tr.134).
- 3 Thủ khoán là người giữ bản khoán ước/hương ước/tục lệ... của làng.
 - 4 Hiệp quân: “Thời Nguyễn, ở cơ vệ [...] Cai đội sung Hiệp quân” (Đỗ Văn Ninh, tr.306).
 - 5 Suất đội: võ quan chỉ huy phó một đội (Đỗ Văn Ninh, tr.566).
 - 6 Đội trưởng: mỗi đội trong quân đội thời Nguyễn có 50 người, đặt cai đội một người, đội trưởng và ngoại ủy đội trưởng đều hai người (Đỗ Văn Ninh, tr.244).
 - 7 Thư lại: viên chức nhỏ trông nom việc văn thư ở công đường (thường là phủ, huyện) thời phong kiến, thực dân (Hoàng Phê chủ biên (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 970).
 - 8 Cai phó tổng tức Cai tổng và Phó tổng. Cai tổng là người đứng đầu một tổng, “để theo châu huyện sai phải”. [...] năm 1885, theo lời tâu của Tuần phủ tỉnh Quảng Trị là Cao Hữu Sung, vua cho đổi “Cai” thành “Chánh”, để tỵ húy Kiên vương (Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Tổ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch, tr.200 và *Đại Nam thực lục* tập 9, *sđđ*, tr.202).
 - 9 Thâm niên lý trưởng: lý trưởng đã đảm nhiệm chức vụ nhiều năm.
 - 10 Đại khoa: chỉ chung kỳ thi cao cấp nhất (thị hội, thi đình) của khoa cử thời phong kiến (Nguyễn Thúy Nga chủ biên (2019), *Khoa cử Việt Nam: Tú tài triều Nguyễn*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.245).
 - 11 Khoa trường: người đồ đạt nói chung.
 - 12 Sắc mệnh: người có sắc chỉ của vua ban để khen ngợi hoặc trao chức vụ.
 - 13 Khao vọng viên nhân: người đã làm thủ tục khao vọng với làng.
 - 14 Đương thứ lý hương trưởng: tức lý trưởng và hương trưởng đương nhiệm. Theo Phạm Xuân Lộc, “Trực tiếp trông coi cai quản công việc ở làng có *lý trưởng* và *phó lí*. Mỗi xã [...] đều có một *lý trưởng* và một *Phó lí* hợp cùng nhau giải quyết thi hành các việc quan [...] là những công việc liên quan đến quốc gia, từ việc lớn đến việc nhỏ, do quan phủ đường ở tỉnh, phủ thúc xuống cho *lý trưởng* và *phó lí* tuân hành”; “[...] *Hương trưởng* để lo làm việc quan như bắt phu đi đắp đê, bắt tuần phu đi canh gác bảo vệ làng” (Phạm Xuân Lộc (2016), *sđđ*, tr.40 và tr.18); “hương trưởng để hiệp trợ với chánh phó lý mà đốc biện các tạp vụ [...] Chức phận của hương trưởng thì về việc phu phen đê điều hoặc khi nào nghênh tiếp thượng quan thì phải đem phu đi, hoặc đến vụ thuế thì đi đốc thuế đốc má...” (Phan Kế Bính (1990), *sđđ*, tr.136)”
 - 15 Thủ phiên (đứng đầu nhóm tuần phiên – những người có nhiệm vụ canh giữ trong làng ngoài đồng) đương nhiệm.
 - 16 Giản binh (binh lính do làng lựa chọn và cử đi ứng tuyển) đang tại ngũ.

- 17 Thí sinh là học trò đi thi, còn khóa sinh có nhiều nghĩa khác nhau: đỗ tốt nghiệp tiểu học thì được nhận văn bằng Khóa sinh - Phạm Văn Khoái, 2016, 11.
- 18 Hương ẩm nghĩa đen là [ăn] uống ở làng, chỉ người đủ tiêu chuẩn để được ra đình làng ăn uống mỗi khi làng yến ẩm.
- 19 Tiểu công: tên tang phục thời xưa mặc trong 5 tháng, để tang cho những người sau: bên nội gồm ông bà nội của cha mình, anh em ruột hoặc anh em con chú con bác ruột của ông nội mình, chị em gái con chú con bác ruột (chưa lấy chồng), em gái con chú con bác ruột, chị em con chú con bác ruột (đã lấy chồng), vợ của anh trai hoặc em trai, anh em trai chung cụ và chị em gái chung cụ chưa lấy chồng. Bên ngoại gồm ông bà ngoại, cậu ruột, dì ruột (汉语大词典编纂委员会 Hán ngữ Đại từ điển biên tập Ủy viên hội (1997), 汉语大词典 *Hán ngữ Đại từ điển*, Thượng Hải Trung Hoa Ấn loát xương, Thượng Hải, tr.1413).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tư liệu Việt văn

1. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
2. Phạm Văn Khoái, 2016, *Hán văn trong chương trình cải lương giáo dục khoa cử 1906 - 1919*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Phạm Xuân Lộc (2016), *Nhân danh tập chí*, Nguyễn Văn Nguyên và Philippe Papin dịch, giới thiệu, Nxb. Thế giới, Hà Nội
4. Nguyễn Thúy Nga, 2019, *Khoa cử Việt Nam: Tú tài triều Nguyễn*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Tư liệu Hán văn

1. Đại Lộ xã cải lương lập chính 大路社改良立正, định bản năm 1934, ký hiệu VNV.524, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Đại Lộ.
2. Hà Đông tỉnh Chương Mỹ huyện Chúc Sơn tổng Ninh Sơn xã tục lệ 河東省彰美縣祝山總寧山社俗例, định bản năm 1910, ký hiệu AF.a2/1, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Ninh Sơn.
3. Hà Đông tỉnh Chương Mỹ huyện Lương Xá tổng Ứng Hòa xã tục lệ phong tục, ký hiệu AF.a2/5, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Ứng Hòa.
4. Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Đắc Sở tổng Tiền Lệ xã phong tục 河東省丹鳳縣得所總前例社風俗, định bản năm 1910, ký hiệu AF.a2/19, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Tiền Lệ.
5. Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Kim Thiềm tổng Giang Xá xã phong tục, ký hiệu AF.a2/20, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Giang Xá.
6. Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Vân Hoàng xã Vực thôn tục lệ 東省富川縣雲黃社域村俗例, không rõ năm định bản, ký hiệu AF.a2/47, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Thôn Vực.

7. Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Tín Yên tổng Yên Duyên xã khoán lệ 河東省常信府上福縣信安總安沿社券例, định bản năm 1874, ký hiệu AF.a2/100, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Yên Duyên.
8. Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Chương Dương tổng Yên Cảnh xã tục lệ 河東省常信府上福縣彰陽總安境社俗例, định bản năm 1883, ký hiệu AF.a2/95, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, gọi tắt là Yên Cảnh.
9. Hán ngữ Đại từ điển biên tập Ủy viên (汉语大词典編集委员会) (1997), 汉语大词典 *Hán ngữ Đại từ điển*, Thượng Hải Trung Hoa Ấn loát xưởng, Thượng Hải.
10. Hương ước làng Thọ Vực xã Nghĩa Lộ tổng La Nội phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN312, Viện Thông tin Khoa học xã hội – gọi tắt là Thọ Vực.
11. Hương ước xã Đa Sĩ tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN468, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Đa Sĩ.
12. Hương ước xã Đan Viên tổng Đồng Dương phủ Thanh Oai tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN339, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Đan Viên.
13. Hương ước xã Phương Viên huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN150, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Phương Viên.
14. Hương ước xã Tự Khoát tổng Nam Phù Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm 1918, ký hiệu HUN619, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Tự Khoát.
15. Khoán lệ xã Cổ Chất tổng Đông Cứu huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/96, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Cổ Chất.
16. Phong tục chính trị xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/86a, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Thanh Liệt.
17. Phong tục thôn Thượng xã Mỹ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1917, ký hiệu HUN280, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Thượng/280.
18. Phong tục thôn Thượng xã Từ Dương phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN513, Viện Thông tin Khoa học xã hội – gọi tắt là Thượng/513.
19. Phong tục vạn Hạ Trì xã Hạ Trì tổng Hạ Trì huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/58, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Hạ Trì.
20. Phong tục xã Hoàng Xá tổng Hạ Trì huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/59, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Hoàng Xá.

21. Thôn Hạ xã mễ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN284, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Hạ/284.
22. Trù Mật hạng lệ, ký hiệu A.717, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Trù Mật.
23. Tục lệ cải lương làng Thụy Phương, ký hiệu AF.a2/63, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Thụy Phương.
24. Tục lệ thôn Cổ Chế xã An Hoài tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, năm định bản 1917, ký hiệu HUN534, Viện Thông tin Khoa học xã hội - gọi tắt là Cổ Chế.
25. Tục lệ thôn Hạ xã Thịnh Đức huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/44, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Hạ/44.
26. Tục lệ thôn Thanh Xuyên xã Hoàng Trung tổng Hoàng Trung huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/38, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Thanh Xuyên.
27. Tục lệ thôn Thượng xã Hoàng Lưu huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/46, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Thượng/46.
28. Tục lệ thôn Tri Lễ xã Bất Náo tổng Lương Xá huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/41, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Tri Lễ.
29. Tục lệ thôn Văn Hội xã Lương Xá tổng Lương Xá huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/41, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Văn Hội.
30. Tục lệ xã Chương Dương tổng Chương Dương huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/95, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Chương Dương.
31. Tục lệ xã Đồng Lệ tổng Chúc Sơn huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/1, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Đồng Lệ.
32. Tục lệ xã Đồng Vinh tổng Thịnh Đức Thượng huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/43, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Đồng Vinh.
33. Tục lệ xã Khuyến Lương tổng Thanh Trì huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/87, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Khuyến Lương.
34. Tục lệ xã Nam Phú tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/42, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Nam Phú.
35. Tục lệ xã Phú Mỹ tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/42, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Phú Mỹ.
36. Tục lệ xã Thịnh Đức Hạ tổng Thịnh Đức Hạ huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/44, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Thịnh Đức Hạ.

37. Tục lệ xã Thịnh Đức Thượng tổng Thịnh Đức Hạ huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/44, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Thịnh Đức Thượng.
38. Tục lệ xã Tri Chỉ huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/46, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Tri Chỉ.
39. Tục lệ xã Từ Thuận huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông , ký hiệu AF.a2/45, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - gọi tắt là Từ Thuận.
40. Tục lệ xã Viên Hoàng tổng Hoàng Trung huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/38, Viện Nghiên cứu Hán Nôm – gọi tắt là Viên Hoàng.

Abstract

PORTRAITS OF THE CELEBRANT IN VIETNAMESE VILLAGES DURING THE MONARCHY PERIOD FROM THE PERSPECTIVE OF SINO- NOM CUSTOMARY DOCUMENTS

Dao Phuong Chi

Institute of Sino-Nom Studies, VASS

The celebrant is the main priest in the ceremonies. There have been many works mentioning this character when researching villages. However, there is no work that has thoroughly and systematically studied the celebrant. Based on examination the customary documents, this article will systematize issues related to the celebrant in terms of selection criteria, responsibilities, rights, and punishment for the celebrant who did not fulfill his tasks. The celebrant also had another name “Mệnh bái” that was just mentioned in customary documents and have never been used.

Keywords: Customs, village, worship, celebrant; ritual.